

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/DS-ST
Ngày: 08 – 8 - 2018
V/v Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán
trong hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Anh Thư

Ông Nguyễn Văn Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thủy là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 92/2018/TLST-DS ngày 12/4/2018 về việc "Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2018/QĐST-DS, ngày 13/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/QĐST – DS ngày 27/7/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty C**; địa chỉ trụ sở: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn C – chức vụ: Giám đốc. Ủy quyền cho bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (Văn bản ủy quyền ngày 06/8/2018).

- Bị đơn: Ông **Nguyễn B**, sinh năm 1976 và bà **Võ Thị Yến T**, sinh năm 1980; Cùng địa chỉ cư trú: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2017, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 07/6/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn trình bày:*

Công ty C có bán dầu Diesel cho vợ chồng ông Nguyễn B, bà Võ Thị Yến T để đi biển đánh bắt hải sản. Trong quá trình mua bán dầu, vợ chồng ông B, bà T còn nợ Công ty C 280.000.000 (Hai trăm tám mươi triệu) đồng và ngày 12/6/2016, vợ chồng ông B, bà T có viết giấy nhận nợ 280.000.000 đồng và cam đoan đến ngày 12/12/2016 sẽ trả 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng. Dù đã cam kết trả nợ theo hạn, nhưng từ ngày 12/12/2016 đến nay vợ chồng ông B, bà T không trả cho Công ty C bất kỳ khoản tiền nào, Công ty C đã nhiều lần xuống nhà ông B, bà T yêu cầu trả nợ nhưng ông B, bà T vẫn không thực hiện. Công ty C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn B, bà Võ Thị Yến T trả 280.000.000 (Hai trăm tám mươi triệu) đồng tiền mua dầu còn nợ và không yêu cầu trả lãi. Tại phiên họp công khai chứng cứ và phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đồng ý miễn cho bị đơn nghĩa vụ phải trả số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng, chỉ yêu cầu bị đơn trả 260.000.000 (Hai trăm sáu mươi triệu) đồng tiền gốc và không yêu cầu trả lãi.

** Theo bản tự khai các ngày 02/5/2018, 07/6/2018, biên bản phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 07/6/2018 bị đơn ông Nguyễn B, bà Võ Thị Yến T thống nhất trình bày:*

Vợ chồng ông, bà có mua dầu Diesel để đi đánh bắt hải sản trên biển và còn nợ Công ty C 280.000.000 đồng, ông bà có cam kết trả nợ cho Công ty C nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên ông bà chưa trả được nợ. Nay, Công ty C yêu cầu ông bà trả 260.000.000 đồng, ông bà xin giảm bớt số nợ nêu trên do hoàn cảnh quá khó khăn, ông bà chỉ đồng ý trả 140.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn B, bà Võ Thị Yến T được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung: Bị đơn thừa nhận hiện còn nợ nguyên đơn 280.000.000 (Hai trăm tám mươi triệu) đồng như lời khai và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, nguyên đơn tự nguyện miễn cho bị đơn nghĩa vụ phải trả số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng, chỉ yêu cầu bị đơn trả 260.000.000 (Hai trăm sáu mươi triệu) đồng, nhưng bị đơn không đồng ý trả 260.000.000 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn, mà chỉ đồng ý trả 140.000.000 (Một trăm bốn mươi triệu) đồng với nguyên nhân do hoàn cảnh khó khăn, không có điều kiện trả nợ. Xét yêu cầu khởi kiện và ý kiến của bị đơn nhận thấy: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 280.000.000 (Hai trăm tám mươi triệu) đồng, tuy nhiên trong quá trình giải

quyết vụ án nguyên đơn tự nguyện miễn cho bị đơn nghĩa vụ trả số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng, chỉ yêu cầu trả 260.000.000 (Hai trăm sáu mươi triệu) đồng tiền gốc. Bị đơn không phản đối ý kiến của nguyên đơn về việc miễn cho bị đơn nghĩa vụ trả số tiền 20.000.000 đồng, đây là ý chí tự nguyện thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không phải rút một phần yêu cầu khởi kiện, nên Hội đồng xét xử không đình chỉ mà ghi nhận ý kiến tự nguyện của nguyên đơn. Đồng thời bị đơn cho rằng do hoàn cảnh khó khăn nên không đồng ý trả 260.000.000 (Hai trăm sáu mươi triệu) đồng tiền nợ, mà chỉ đồng ý trả 140.000.000 (Một trăm bốn mươi triệu) đồng là không có căn cứ, nên không được chấp nhận do không phù hợp quy định tại Điều 438 Bộ luật Dân sự năm 2005, vì bên mua có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền theo thời hạn thỏa thuận.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu 13.000.000 (Mười ba triệu) đồng ($260.000.000 \text{ đồng} \times 5\%$) án phí dân sự sơ thẩm. Đối với việc ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn miễn cho bị đơn nghĩa vụ phải trả số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng, vì số tiền này bị đơn không phải thực hiện nghĩa vụ đối với nguyên đơn, nên bị đơn không phải chịu án phí.

Vì những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 378, Điều 438 của Bộ luật Dân sự 2005; khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C. Xác định vợ chồng ông Nguyễn B, bà Võ Thị Yến T có nợ Công ty C số tiền 280.000.000 (hai trăm tám mươi triệu) đồng.

- Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty C về việc miễn cho ông Nguyễn B, bà Võ Thị Yến T nghĩa vụ phải trả số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

- Buộc ông Nguyễn B, bà Võ Thị Yến T cùng có nghĩa vụ trả cho Công ty C số tiền 260.000.000 (Hai trăm sáu mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án dân sự còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn B, bà Võ Thị Yến T cùng có nghĩa vụ chịu 13.000.000 (Mười ba triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Công ty C số tiền 7.000.000 (Bảy triệu) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0002148 ngày 09/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Quyền kháng cáo và thi hành án:

- Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP. Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Hùng

